

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Yêu cầu Báo giá Gói thầu “Bẫy mọt thuốc lá”

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Căn cứ Quyết định số 3254/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty TNHH Một thành viên, hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con;

Căn cứ Quyết định số 2872/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-CNS ngày 06 tháng 6 năm 2025 về phân công công tác Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-HĐTV ngày 30 tháng 9 năm 2025, của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên;

Căn cứ Giấy ủy quyền số 127/UQ-CNS ngày 03 tháng 03 năm 2026 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 144/QĐ-CNS ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm “Bẫy mọt thuốc lá”;

Theo đề nghị của Phòng Kỹ thuật – An toàn lao động Tổng Công ty tại Tờ trình số 176/TTr-KTAT ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc phê duyệt Yêu cầu Báo giá gói thầu mua “Bẫy mọt thuốc lá”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu “Bẫy mọt thuốc lá” như hồ sơ đính kèm.

Điều 2. Phòng Kỹ thuật – An toàn lao động, các Phòng, Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT.HĐTV (để báo cáo);
- TGD (để báo cáo);
- BAKS, KTNB (để biết);
- Lưu: VPCQ, KTAT.

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Phương

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Bẫy mọt thuốc lá

Gói thầu số: 01

Dự toán mua sắm: 372.708.000 đồng.

Phát hành ngày: 18/3/2026.

Ban hành kèm theo Quyết định số: 170/QĐ-CNS ngày 17 tháng 3 năm 2026.

PHÒNG KỸ THUẬT – AN TOÀN LAO ĐỘNG TỔNG CÔNG TY

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên.
2. Tên đơn vị mua sắm là: Phòng Kỹ thuật – An toàn lao động.
3. Đơn vị mua sắm mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) gói thầu Bẫy một thuốc lá. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với lĩnh vực dự thầu, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp và các giấy phép để thực hiện gói thầu (nếu có);
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Hồ sơ năng lực.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Đơn vị mua sắm nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho

tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
3. Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu 03a(1) Chương III);

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 90 ngày làm việc, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thư điện tử về địa chỉ:

- Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về:

Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, TP.HCM

Người nhận: Ông Nguyễn Việt Hà – Phòng Kỹ thuật – An toàn lao động Tổng Công ty.

- Nộp qua thư điện tử về các địa chỉ email sau:

Email: duongptt@cns.com.vn (Bà Phạm Thị Thùy Dương, Phòng Kỹ thuật – An toàn lao động Tổng Công ty) và c/c email: hanv@cns.com.vn (Ông Nguyễn Việt Hà, Phòng Kỹ thuật – An toàn lao động Tổng Công ty).

- Thời gian nộp hồ sơ không muộn hơn **14 ngày làm việc** kể từ ngày phát hành yêu cầu báo giá. Các báo giá được gửi đến Đơn vị mua sắm sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, Đơn vị mua sắm lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Đơn vị mua sắm so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, Đơn vị mua sắm có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường thư điện tử và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên (<http://www.cns.com.vn>).

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, Đơn vị mua sắm sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không yêu cầu.

Mục 10. Giải quyết khiếu nại

Nhà thầu có quyền khiếu nại về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa

1. Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau theo đúng thời hạn được quy định trong hợp đồng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Stt	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng (cái)	Các yêu cầu khác (nếu có)
1	Bẫy một thuốc lá	- Nhãn hiệu: New Serrico. - Xuất xứ: Nhật Bản. - Tình trạng: mới 100%, đúng nhãn hiệu, xuất xứ, hạn sử dụng ≥ 10 tháng.	2380	

2. Thời gian thực hiện hợp đồng:

- Thời gian giao hàng: giao hàng 02 đợt:
- + Đợt 1: 1300 cái, giao vào tháng 04/2026.
- + Đợt 2: 1080 cái, giao vào tháng 09/2026.
- Địa điểm giao hàng: **Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH một thành viên**. Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đơn giá:

Đơn giá đã bao gồm tất cả chi phí cần thiết để cung cấp hàng hóa theo yêu cầu. Đơn giá không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

4. Phương thức thanh toán:

- Thanh toán theo số lượng hàng hóa của từng đợt giao hàng, bằng hình thức chuyển khoản trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán mỗi đợt giao hàng.

- Hồ sơ thanh toán gồm: Hóa đơn tài chính hợp lệ ghi giá trị mỗi đợt giao hàng, Giấy chứng nhận xuất xứ của nhà sản xuất, Giấy đề nghị thanh toán, Biên bản nghiệm thu và bàn giao.

Chương III. BIỂU MẪU**Mẫu số 01****ĐƠN CHÀO HÀNG**

Ngày: _____ *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*
Tên gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]*
Tên dự án: _____ *[Ghi tên dự án]*

Kính gửi: *Phòng Kỹ thuật – An toàn lao động – Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên.*

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ *[Ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu]*.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO
(áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào (Kết chuyển sang đơn chào hàng)		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
						
n	Hàng hoá thứ n					Mn
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>						M=M1+M2+...+Mn

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) Đơn vị mua sắm ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của Đơn vị mua sắm, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: /CNS-...

(V/v mua bán bầy một thuốc lá)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ban hành ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/6/2005;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng thực tế của hai bên.

Hợp đồng mua bán bầy một thuốc lá này được lập và ký vào ngày tháng năm 2026 tại Thành phố Hồ Chí Minh, các bên gồm có:

BÊN A (Bên Bán): CÔNG TY CỔ PHẦN TRỪ MỐI - KHỬ TRÙNG

Đại diện là: Chức vụ:

Địa chỉ trụ sở:

Mã số thuế:

Điện thoại:

Số tài khoản:

BÊN B (Bên mua): TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Đại diện là: Chức vụ:

Địa chỉ trụ sở:

Mã số thuế:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Hai bên thống nhất ký kết, thực hiện Hợp đồng mua bán bầy một thuốc lá (sau đây gọi là “Hợp đồng”), với các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG - GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý bán và Bên B đồng ý mua bầy một thuốc lá với số lượng và giá cả như sau:

1. Đối tượng Hợp đồng:

STT	Tên hàng hóa	Số lượng (cái)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1				
Tổng giá trước thuế (VNĐ)				
Thuế GTGT 8% (VNĐ)				

Tổng giá sau thuế (VNĐ)	
	Bằng chữ:

2. Điều chỉnh đơn giá: Đơn giá nêu tại khoản 1 Điều này không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng.

3. Tổng giá trị Hợp đồng: Giá trên đã bao gồm thuế GTGT (Thuế suất thuế GTGT được tính căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm xuất hóa đơn).

ĐIỀU 2. CHẤT LƯỢNG VÀ QUY CÁCH HÀNG HÓA

1. Hàng hóa hợp pháp mới 100%, chưa qua sử dụng, hạn sử dụng ≥ 10 tháng kể từ ngày Bên B nhận hàng, đúng theo mẫu đã chào.

2. Quy cách hàng hóa: theo quy cách của nhà sản xuất.

3. Bên B có quyền không nhận hàng khi Bên A giao hàng không đảm bảo quy cách, chất lượng hàng hóa.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG

1. Thời gian giao hàng: giao hàng 02 đợt:

- Đợt 1: cái, giao vào tháng 04/2025.

- Đợt 2: cái, giao vào tháng 09/2025.

2. Địa điểm giao hàng: **Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH một thành viên**. Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nghiệm thu hàng hóa:

a) Sau khi Bên A hoàn thành việc giao hàng, các bên sẽ tiến hành kiểm tra và lập biên bản nghiệm thu và bàn giao ghi rõ tình trạng hàng hóa, có chữ ký của hai bên. Đại diện của Bên B là đại diện Phòng Kỹ thuật – Chất lượng của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn-TNHH một thành viên và đại diện của bên A là đại diện Công ty Cổ phần Trừ mối – Khử trùng.

b) Trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ của ngày làm việc kể từ thời điểm Bên A thông báo (email, văn bản) đến Bên B về việc hoàn thành giao hàng hóa mà Bên B không tiến hành kiểm tra và ký biên bản nghiệm thu và bàn giao cho Bên A thì các bên đồng ý tại đây rằng khi đó, Bên A đã hoàn thành giao hàng hóa theo đúng quy định tại Hợp đồng, không có bất kỳ sai sót nào và có quyền yêu cầu Bên B tiến hành thanh toán theo quy định của Hợp đồng mà không cần phải cung cấp biên bản nghiệm thu và bàn giao cho Bên B.

c) Kể từ thời điểm các bên ký vào biên bản nghiệm thu và bàn giao hoặc sau thời gian quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Hợp đồng, Bên A đã hoàn thành giao hàng hóa theo mô tả tại Hợp đồng, mọi khiếu nại về hàng hóa từ Bên B sẽ không có giá trị.

ĐIỀU 4. THỜI HẠN - PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Sau mỗi lần giao nhận đủ hàng hóa như thỏa thuận tại Điều 3 Hợp đồng, Bên B thanh toán cho Bên A bằng chuyển khoản trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Bên B nhận đủ hồ sơ thanh toán mỗi lần với số tiền thanh toán ở mỗi lần như sau:

+ Lần 1:

+ Lần 2:

- Hồ sơ thanh toán gồm:

+ Hóa đơn tài chính hợp lệ ghi giá trị mỗi đợt giao hàng

+ Giấy chứng nhận xuất xứ của nhà sản xuất

+ Giấy đề nghị thanh toán của Bên A

+ Biên bản nghiệm thu và bàn giao (theo biểu mẫu Bên B)

- Giá trị thanh toán mỗi đợt tương ứng với số lượng bấy một thuốc lá nghiệm thu bàn giao. Bên B chỉ thanh toán cho Bên A khi Bên A cung cấp đầy đủ số lượng bấy một như thoả thuận tại Điều 3 Hợp đồng này.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

1. Giao hàng cho Bên B đúng tên chủng loại hàng hóa, số lượng đã thỏa thuận tại Điều 1, Điều 2 của Hợp đồng và thời gian, địa điểm giao hàng đúng với thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng. Nếu Bên A giao hàng cho Bên B không đúng với nội dung được quy định tại Điều 1, Điều 2 của Hợp đồng thì Bên B có quyền không nhận hàng, mọi chi phí phát sinh Bên A chịu.

2. Trường hợp Bên A giao hàng không đúng thời gian cho Bên B thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên B và phải được Bên B đồng ý bằng văn bản. Bên A phải chịu mọi chi phí phát sinh do việc giao hàng không đúng thời hạn quy định.

3. Thông báo cho Bên B ngày giao nhận hàng hóa trước 01 (một) ngày làm việc.

4. Cung cấp hóa đơn hợp lệ và hồ sơ chứng từ liên quan cho Bên B.

5. Bên A cam kết hàng hóa Bên A bán cho Bên B là hàng hóa chính hãng, được nhập khẩu hợp pháp.

Điều 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

1. Có quyền từ chối không nhận hàng khi Bên A giao hàng không đúng với nội dung được quy định tại Điều 1, Điều 2 của Hợp đồng, mọi chi phí phát sinh này do Bên A chịu.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A thực hiện công việc theo Hợp đồng.

3. Cử người kiểm tra hàng hóa khi nhận và nghiệm thu hàng hóa.

4. Thanh toán đầy đủ, đúng tiến độ cho Bên A theo đúng nội dung trong Hợp đồng.

ĐIỀU 7. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

1. Trường hợp Bên A giao hàng hóa không đúng số lượng, chất lượng, thời gian như đã thỏa thuận tại Hợp đồng này mà không do lỗi của Bên B hoặc không do sự kiện bất khả kháng theo Điều 8, Bên A sẽ bị phạt 0,16% giá trị cho mỗi ngày chậm trễ tính trên giá trị Hợp đồng bị vi phạm. Nhưng tổng mức phạt không quá 8% của giá trị Hợp đồng bị vi phạm.

2. Nếu chậm thanh toán do lỗi của Bên B thì Bên B bị phạt với mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (Vietinbank) công bố tại thời điểm chậm thanh toán cho số ngày và số tiền chậm thanh toán. Nhưng tổng mức phạt không quá 8% của giá trị chậm thanh toán.

3. Bên nào đã ký Hợp đồng mà không thực hiện hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng không có lý do chính đáng hoặc không do lỗi của bên còn lại hoặc không do sự kiện bất khả kháng thì bị phạt vi phạm 8% giá trị Hợp đồng đã ký.

ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như:

- a) Các sự kiện tự nhiên như: động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa.
- b) Các sự kiện xã hội như: bạo động, nổi loạn, đình công, cấm vận, chiến sự, phá hoại, cấm vận, bao vây, phong tỏa, bất cứ hành động chiến tranh nào hoặc hành động thù địch cộng đồng cho dù chiến tranh có được tuyên bố hay không.

2. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, Bên vi phạm nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì phải kịp thời thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho Bên bị vi phạm trong thời hạn 24 giờ.

3. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

4. Bên vi phạm nghĩa vụ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt Hợp đồng theo quy định hiện hành của pháp luật khi cung cấp được chứng cứ chứng minh về sự kiện như: Văn bản xác nhận về sự kiện bất khả kháng được cấp bởi Cơ quan có thẩm quyền nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc các tài liệu khác (nếu có).

ĐIỀU 9. CHẤM DỨT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

1. Hợp đồng này chấm dứt thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Khi các bên đã hoàn tất nghĩa vụ tại Hợp đồng.
- b) Hai bên thoả thuận chấm dứt.
- c) Khi có một bên chấm dứt hoạt động hoặc tuyên bố phá sản, giải thể.
- d) Chấm dứt theo quy định pháp luật.

2. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng:

a) Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau 30 (ba mươi) ngày làm việc tính từ ngày Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán đủ và đúng hạn theo Điều 4 Hợp đồng.

b) Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau 30 (ba mươi) ngày làm việc tính từ ngày Bên A vi phạm nghĩa vụ thời gian giao hàng hóa theo Điều 3 Hợp đồng.

3. Trong trường hợp một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng thì phải thông báo cho Bên còn lại biết trước ít nhất 10 (*mười*) ngày làm việc, trường hợp không thông báo thì chịu bồi thường thiệt hại cho Bên còn lại (nếu có) theo quy định tại Điều 7 Hợp đồng.

4. Các bên phải thanh toán cho nhau phần nghĩa vụ đã thực hiện khi một bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng.

ĐIỀU 10. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Hai Bên cam kết nghiêm túc thực hiện các điều khoản đã quy định trong Hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có các vấn đề phát sinh thì cùng nhau thương lượng, giải quyết theo nguyên tắc các Bên cùng có lợi.

2. Khi phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này thì theo lựa chọn của bên khởi kiện trước có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết tranh chấp.

ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Hai bên cam kết bảo đảm bảo mật thông tin trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng và không tiết lộ cho bên thứ ba nếu không được sự đồng ý của bên còn lại, trừ trường hợp thực hiện theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Các Phụ lục Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng này phải do đại diện hợp pháp của các bên ký và được xem là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này. Khi một bên tự ý thực hiện việc sửa đổi, bổ sung mà không được sự đồng ý của bên kia thì nội dung sửa đổi, bổ sung đó không có giá trị pháp lý.

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký. Trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày sau khi hai bên ký “Biên bản nghiệm thu hợp đồng”; các bên hoàn thành nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng và không có khiếu nại khiếu kiện thì hai Bên ký Biên bản thanh lý Hợp đồng.

4. Hợp đồng được lập thành 06 (*sáu*) bản, mỗi bản gồm trang, có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 (*hai*) bản và Bên B giữ 04 (*bốn*) bản làm cơ sở thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



